

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CÔNG TẠI VÙNG BẮC TRUNG BỘ

**Th.s. Hoàng Dương Việt Anh**

*Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng*

**Th.s. Nguyễn Văn Hậu**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: nvhau@neu.edu.vn*

*Khủng hoảng nợ công ở một số quốc gia và rủi ro “lây lan” sang quốc gia khác đang làm thay đổi chính sách đầu tư của nhiều nước. Vì vậy, chính sách tài khóa thắt chặt (mà cụ thể là cắt giảm đầu tư công) đang được nhiều nước thực hiện. Tuy nhiên, do tính chất sử dụng “lâu dài” của những hàng hóa và dịch vụ mà hoạt động này tạo ra, đầu tư công đóng một vai trò đặc biệt quan trọng đến sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Bài viết này nhằm làm rõ khái niệm đầu tư công sẽ được sử dụng, trên cơ sở phân tích thực trạng đầu tư công tại vùng Bắc Trung Bộ xét trên góc độ quy mô và hiệu quả đầu tư dựa trên chỉ số ICOR, bài viết hy vọng đưa ra một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công tại vùng.*

**Từ khoá:** đầu tư công, hiệu quả đầu tư, Bắc Trung Bộ

## 1. Đặt vấn đề

Đối với nước ta và đặc biệt vùng Bắc Trung Bộ (thời tiết khắc nghiệt, khả năng tự tài trợ cho đầu tư còn hạn chế và đời sống nhân dân vô cùng khó khăn) việc thắt chặt tài khóa và cắt giảm đầu tư công sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người dân cũng như sự phát triển của vùng. Florio, M. và Myles, G. (2011) đã nhấn mạnh rằng các quốc gia không nên coi việc cắt giảm đầu tư công như là một phương thuốc ‘hữu hiệu’ để cắt giảm thâm hụt ngân sách. Bởi vì điều này có thể sẽ ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế và tác động ngược trở lại đến nguồn thu ngân sách quốc gia (thông qua sự sụt giảm nguồn thu thuế); do đó, ảnh hưởng đến sự phát triển trong tương lai. Vì vậy, để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định trong dài hạn, tác giả cho rằng cần phải duy trì tỷ lệ đầu tư công hợp lý và vấn đề cốt yếu là phải nâng hiệu quả đầu tư. Tại vùng Bắc Trung Bộ, quá trình phát triển những năm qua cho thấy đầu tư công tại vùng còn bộ lộ rất nhiều hạn chế như hiệu quả sử dụng vốn nhà nước rất thấp, đầu tư còn dài trải và chưa xuất phát từ tình hình thực tế của vùng.

## 2. Khái niệm đầu tư công

Đầu tư công có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước. Đầu tư

công làm thay đổi cơ cấu kinh tế - xã hội của đất nước, gia tăng cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế, nâng cao năng lực cho người lao động và tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Tuy nhiên, khái niệm đầu tư công ở nước ta vẫn chưa được thống nhất.

Theo dự thảo Luật đầu tư công (3/2010), đầu tư công là việc sử dụng nguồn vốn Nhà nước để đầu tư vào các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội không nhằm mục đích kinh doanh. Hội nghị quốc tế về đầu tư công do Ngân hàng Thế giới (WB) tổ chức tại Hà Nội (9/2010) cũng cho rằng, đầu tư công là việc sử dụng nguồn vốn Nhà nước để đầu tư vào các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội không vì mục tiêu lợi nhuận và không có khả năng thu hồi vốn hoặc thu hồi vốn chậm.

Trên thực tế khái niệm đầu tư công được hiểu theo nghĩa này không làm đơn giản hơn cách phân loại và quản lý đầu tư của Nhà nước. Vì vậy, quá trình phân loại thống kê cũng trở nên phức tạp hơn. Theo Vũ Tuấn Anh và Nguyễn Quang Thái (2011), ‘đầu tư công’ hiện nay vẫn được quan niệm một cách đơn giản hơn, theo nghĩa bao gồm tất cả các khoản đầu tư do Chính phủ và các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước tiến hành. Theo đó, đầu tư công được xem xét không phải từ góc độ đối tượng và đầu ra của quá trình đầu tư (sản xuất hàng hóa công cộng hay hàng hóa tư nhân; mang tính lợi

nhuận hay phi lợi nhuận) mà từ góc độ sở hữu của nguồn vốn dùng để đầu tư. Bài viết sẽ sử dụng khái niệm đầu tư công theo nghĩa này<sup>1</sup>, nhằm tránh những tranh luận trong việc xác định loại hình đầu tư nào mang tính lợi nhuận và loại hình nào mang tính phi lợi nhuận; hàng hóa nào là hàng hóa công cộng và hàng hóa nào là hàng hóa tư nhân; và đặc biệt là những khó khăn trong việc thu thập số liệu phân tích.

### 3. Thực trạng đầu tư công tại vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2001-2011

#### 3.1. Quy mô đầu tư công

Quy mô đầu tư công phản ánh mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế vùng. Trong giai đoạn 2001- 2011, tổng vốn đầu tư theo giá so sánh 1994 của vùng Bắc Trung Bộ không ngừng tăng lên; trong đó, đầu tư công luôn chiếm tỷ trọng cao hơn so với đầu tư tư nhân (trừ năm 2011) nhưng tỷ trọng đầu tư công lại giảm dần qua các năm (Biểu đồ 1). Cụ thể, đầu tư công chiếm gần 60% tổng giá trị đầu tư trong các năm đầu và giảm dần chỉ còn 50% trong năm 2010 và xuống thấp nhất trong năm 2011 với tỷ trọng dưới 50% (Biểu đồ 2). Tỷ trọng của đầu tư công có xu hướng giảm dần không phải do qui mô của đầu tư công giảm đi mà do tốc độ tăng trưởng của đầu tư tư nhân tăng dần theo thời gian và cao hơn so với tốc độ tăng trưởng của đầu tư công (cụ thể, trong giai đoạn 2001- 2011, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của đầu tư công là 12,6%, trong khi con số đó của đầu tư tư nhân là 18,02%) và đây cũng là xu thế chung của cả nước (với tốc độ tăng trưởng đầu tư của khu vực nhà nước thấp hơn so với khu vực tư nhân).

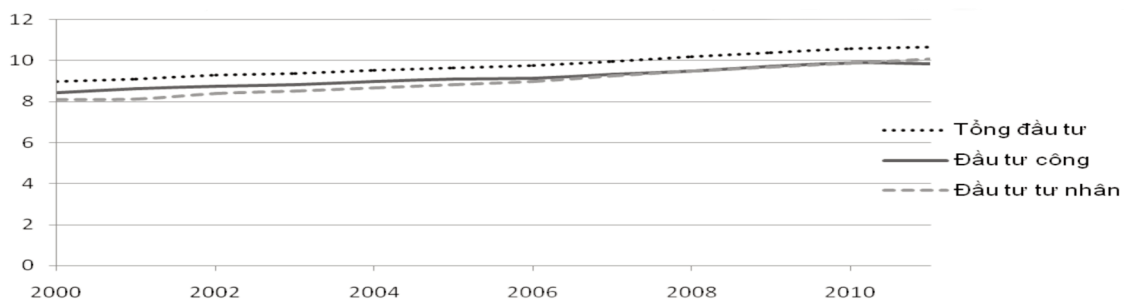
Xét theo quy mô đầu tư của các địa phương trong vùng, Nghệ An là địa phương có quy mô đầu tư công cao nhất trong giai đoạn 2001-2007 (với tổng vốn đầu tư công trung bình hàng năm theo giá so sánh 1994 trong thời kỳ 2001- 2011 đến hơn 3.180

tỷ đồng). Tuy nhiên, từ năm 2008 đến 2011 Thanh Hóa đã vượt qua Nghệ An để trở thành địa phương có quy mô đầu tư công cao nhất vùng. Địa phương có quy mô đầu tư công thấp nhất trong giai đoạn này là Quảng Trị với tổng vốn đầu tư của nhà nước hàng năm theo giá so sánh 1994 trong thời kỳ này chỉ trên 776 tỷ đồng. Biểu đồ 3 còn cho thấy quy mô đầu tư công của Quảng Bình tăng liên tục, từ 1.039 tỷ đồng năm 2001 lên 2.318 tỷ đồng năm 2005 theo giá hiện hành), song đến năm 2006 đã đột ngột tụt gần 80%, chỉ còn 1.110 tỷ đồng (theo giá hiện hành) so với năm 2005. Đây cũng là địa phương có tốc độ tăng vốn đầu tư công hàng năm trong giai đoạn 2001-2011 thấp nhất chỉ khoảng 3,8%/năm so với 19,3%/năm của Hà Tĩnh (địa phương có tốc độ tăng vốn đầu tư công cao nhất trong vùng giai đoạn 2001-2011). Cụ thể, tổng vốn đầu tư công theo giá hiện hành của tỉnh này từ 418 tỷ đồng năm 2000 đã lên đến hơn 6,042 tỷ đồng vào năm 2011). Như vậy, trong giai đoạn 2001-2011, tốc độ tăng vốn đầu tư công giữa các tỉnh trong vùng chưa đồng đều và quy mô vốn đầu tư công ở một số địa phương không ổn định qua các năm. Nguồn vốn đầu tư không liên tục là nguyên nhân dẫn đến nhiều công trình đang xây dựng dang dở phải dừng lại để ‘đội vốn’; điều này ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành dự án và chất lượng của công trình.

#### 3.2. Hiệu quả đầu tư công

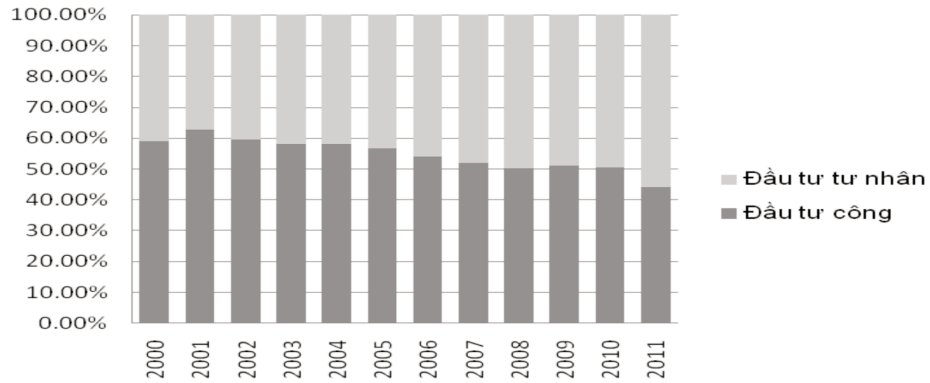
Hiệu quả đầu tư công thể hiện mức độ khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn vùng. Theo Florio, M. và Myles, G. (2011), hiệu quả đầu tư có ý nghĩa quan trọng hơn cả quy mô của nguồn quỹ đầu tư, do đó, việc nâng cao hiệu quả đầu tư phải được thực hiện như là kim chỉ nam cho mọi quyết định đầu tư. Trong giai đoạn 2001- 2011, tỷ lệ đóng góp của đầu tư công và đầu tư tư nhân vào GDP của vùng Bắc Trung Bộ có sự chênh lệch khá lớn. Trong đó, tỷ trọng đầu tư của khu vực công tại

**Biểu đồ 1: Quy mô đầu tư của vùng Bắc Trung Bộ theo giá so sánh 1994, giai đoạn 2001 - 2011**



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả; sử dụng thang đo tỷ lệ<sup>2</sup>

**Biểu đồ 2: Tỷ trọng đầu tư công và đầu tư tư nhân của vùng Bắc Trung Bộ theo giá so sánh 1994, giai đoạn 2001-2011**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả*

vùng Bắc Trung Bộ chiếm (xấp xỉ 55% tổng vốn đầu tư) cao hơn so với cả nước (với khoảng 43%), nhưng tỷ lệ đóng góp của đầu tư công cho GDP chỉ có 29,5% (thấp hơn mức đóng góp của đầu tư công trong cả nước với khoảng 39% GDP). Điều đó cho thấy, hiệu quả đầu tư của khu vực công của vùng thấp hơn so với cả nước và thấp hơn nhiều so với khu vực tư nhân (đầu tư tư nhân đóng góp đến hơn 70% GDP).

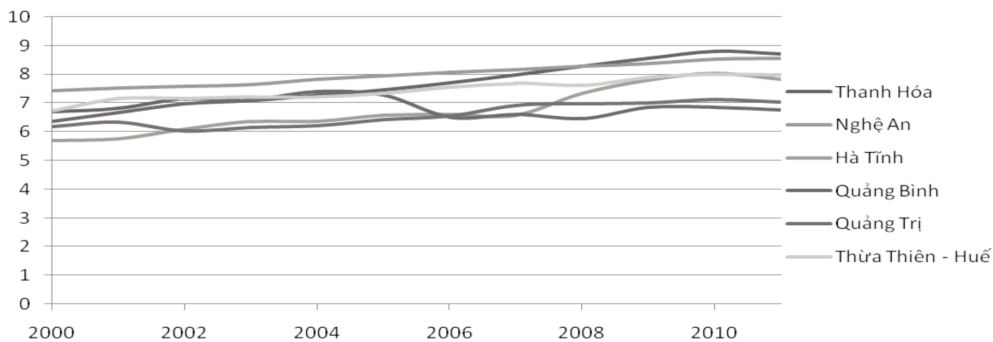
Bên cạnh đó, bài báo sử dụng hệ số ICOR hay còn gọi là hệ số tăng vốn - sản lượng (Incremental Capital-Output Ratio) nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư của vùng Bắc Trung Bộ trong thời kỳ 2001-2011. Hệ số ICOR phản ánh cần bao nhiêu đồng vốn tăng thêm để tạo ra một đơn vị tăng thêm của GDP. Tuy nhiên, hệ số ICOR phải được tính cho một giai đoạn vì đồng vốn thường có độ trễ và phải sau một giai đoạn mới phát huy tác dụng; do vậy, nhiều nhà kinh tế<sup>3</sup> khuyến cáo chỉ nên sử dụng hệ số ICOR cho một giai đoạn.

Bảng 1 thể hiện kết quả tính toán hệ số ICOR tại

vùng Bắc Trung Bộ và cả nước đối với khu vực công và khu vực tư thời kỳ 2001-2011. Kết quả cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của vùng Bắc Trung Bộ tốt hơn so với cả nước. Điều này xuất phát từ việc sử dụng hiệu quả đồng vốn của khu vực tư nhân. Cụ thể, trong cả giai đoạn 2001-2011 để tạo ra 1 đồng giá trị tăng thêm của GDP, khu vực tư nhân chỉ phải bỏ ra 3,01 đồng vốn trong khi đó con số này là 4,60 đối với cả nước. Ngược lại, hiệu quả đầu tư của khu vực công tại vùng Bắc Trung Bộ là rất thấp; thể hiện qua hệ số ICOR của khu vực này rất cao 10,22 (so với 7,81 của cả nước). Đây là một nghịch lý đối với nước ta và đặc biệt là của vùng Bắc Trung Bộ khi khu vực tư nhân không được nhiều ưu đãi về mặt chính sách như khu vực Nhà nước nhưng hoạt động lại rất hiệu quả và do đó đóng góp rất lớn trong GDP (hơn 70%).

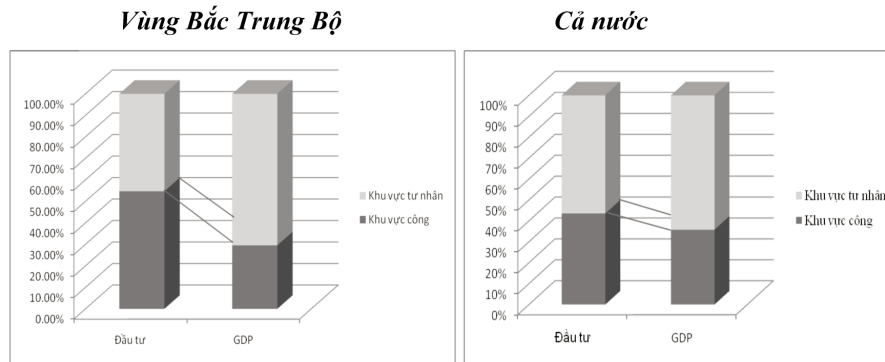
Theo biểu đồ 5, sự không hiệu quả của đầu tư công tại vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu đến từ sự đầu tư yếu kém của 2 địa phương Hà Tĩnh và Quảng Trị với hệ số ICOR trong giai đoạn 2001-2011 là rất cao (lần lượt là 23,35 và 20,94). Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu

**Biểu đồ 3: Qui mô đầu tư công của các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ theo giá so sánh 1994, giai đoạn 2001-2011**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả; sử dụng thang đo tỷ lệ*

**Biểu đồ 4: Tỷ lệ đóng góp của đầu tư công và đầu tư tư nhân vào GDP của vùng Bắc Trung Bộ và nước giai đoạn 2001-2011**



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả

**Bảng 1: Hệ số ICOR tại vùng Bắc Trung Bộ và cả nước giai đoạn 2001-2011 tính theo vốn đầu tư**

Khu vực công & tư	Vùng Bắc Trung Bộ	Cả nước
		4,73
Khu vực công	10,22	7,81
Khu vực tư	3,01	4,60

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả

qua đầu tư thông qua chỉ số ICOR vẫn còn nhiều tranh cãi. Một số nhà nghiên cứu cho rằng chỉ số này cho biết cần bỏ ra bao nhiêu đồng vốn để đạt được một đồng giá trị tăng thêm của GDP. Đối với khu vực công, vốn đầu tư chủ yếu phục vụ phát triển cơ sở vật chất hạ tầng do đó không đóng góp trực tiếp vào sự gia tăng GDP, vì vậy hệ số ICOR của đầu tư công cao hơn so với đầu tư tư nhân là điều dễ hiểu.

Nhìn chung, khu vực tư nhân của vùng Bắc Trung Bộ hoạt động rất hiệu quả, thể hiện qua chỉ số ICOR rất thấp và thấp hơn so với cả nước và đóng góp trên 70% GDP. Do vậy, chính sách của vùng Bắc Trung Bộ nên hướng đến việc ưu tiên, tạo điều kiện để khu

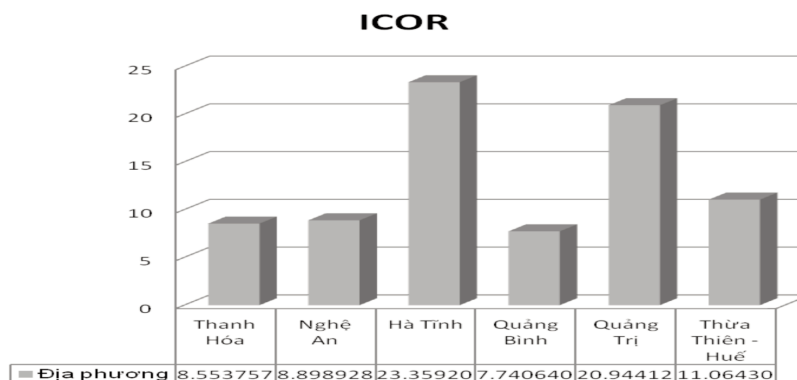
vực tư nhân phát triển (do việc sử dụng hiệu quả đồng vốn của mình). Nhà nước chỉ nên tập trung phát triển cơ sở vật chất hạ tầng và ‘từ bỏ’ việc tham gia sản xuất những hàng hóa, dịch vụ mà khu vực tư nhân đảm nhận hiệu quả. Theo một số tác giả<sup>4</sup> việc Nhà nước tập trung đầu tư phát triển hạ tầng sẽ tạo điều kiện thuận lợi để khu vực tư nhân phát triển; qua đó, đóng góp nhiều hơn vào cho sự tăng trưởng kinh tế. Ví như Nhà nước đầu tư vào hệ thống giao thông sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân trong việc giao thương hàng hóa hoặc Nhà nước đầu tư vào giáo dục sẽ tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao; từ đó, làm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn của khu vực này.

#### 4. Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công tại vùng Bắc Trung Bộ

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả đầu tư công tại vùng Bắc Trung Bộ, thiết nghĩ nên sử dụng đồng bộ các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tập trung vốn nhà nước đầu tư vào phát triển hạ tầng kỹ thuật, nhất là đường giao thông, năng lượng và các lĩnh vực xã hội như giáo dục và y

**Biểu đồ 5: Hệ số ICOR của khu vực công vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2001-2011**



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả

tế. Đây là lĩnh vực nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân. Do vậy, tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực này không những góp phần cải thiện đời sống người dân mà còn nhận được sự đồng tình của xã hội. Vấn đề nhà nước dành đầu tư cho lĩnh vực thương mại và sản xuất hàng hóa mà khu vực tư nhân đảm nhận được sẽ không hiệu quả. Thật vậy, kết quả tính toán dựa trên hệ số ICOR tại vùng Bắc Trung Bộ cho thấy hiệu quả sử dụng vốn của khu vực nhà nước là cực kỳ thấp so với khu vực tư nhân. Với lý do đó, hàng hóa có tính thương phẩm nên dành cho đầu tư tư nhân và để cho thị trường quyết định; Nhà nước nên can thiệp chỉ khi có thất bại thị trường.

*Thứ hai*, không nên tạo ra các nền kinh tế tương đối toàn diện, có cơ cấu kinh tế tương tự nhau tại các địa phương của vùng. Điều này sẽ không phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương trong vùng. Vấn đề là phải phát huy lợi thế sẵn có, riêng biệt vào tạo ra lợi thế trong quá trình phát triển của các địa phương. Hiện nay, toàn vùng Bắc Trung Bộ, hầu như địa phương nào cũng có cảng biển; chẳng hạn như cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa), cảng Cửa Lò (Nghệ An), cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh), cảng Hòn La (Quảng Bình), cảng Cửa Việt (Quảng Trị), cảng Chân Mây (Thừa Thiên Huế). Số lượng cảng biển của vùng khá nhiều và có vẻ khá dày đặc về mật độ, song cơ sở hạ tầng và thiết bị bốc xếp lại lạc hậu, thiếu thốn, do đó năng lực vận tải hàng hóa thông qua các cảng này là rất thấp. Bên cạnh đó, hầu như địa phương nào trong vùng cũng có khu kinh tế (khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa, Vũng Áng - Hà Tĩnh, Chân Mây - Thừa Thiên Huế), tuy nhiên, hiệu quả của những khu kinh tế cũng cần phải được xem lại.

*Thứ ba*, áp dụng phương pháp thẩm định phân tích lợi ích – chi phí đối với các dự án công tại vùng. Kỹ thuật phân tích chi phí và lợi ích (CBA) cần phải được sử dụng nhằm đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư và là nhân tố cốt lõi của tiến trình ra quyết định đầu tư. Hầu hết các nghiên cứu<sup>5</sup> đều khẳng định vai trò của phương pháp phân tích chi phí và lợi ích (CBA) trong việc lựa chọn dự án đầu tư công. Theo đó, việc áp dụng kỹ thuật này có thể đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư công tại vùng Bắc Trung Bộ thông qua việc lượng hóa tác động của dự án trên các mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Kết quả của quá trình đánh giá dự án là tiêu chí để sắp xếp trật tự ưu tiên các dự án cho vùng. Từ đó, vốn đầu tư sẽ được phân bổ và sử dụng một cách có hiệu quả hơn đồng thời công tác kiểm tra, giám sát sẽ thuận lợi và dễ dàng hơn.

*Thứ tư*, cần đổi mới cơ chế phân cấp quản lý đầu tư công. Theo Luật Ngân sách 2004, việc phân bổ vốn đầu tư được giao chủ yếu cho các ngành và địa phương, do đó, các ngành và địa phương được toàn quyền thẩm định và quyết định đầu tư, nên dẫn đến hậu quả là đầu tư bị dàn trải. PGS.TSKH Võ Đại Lược (2012) đã kết luận: “Hệ quả là Việt Nam đang có tới 63 nền kinh tế tỉnh thành và 1 nền kinh tế toàn quốc, tỉnh thành nào cũng phấn đấu trở thành những nền kinh tế công nghiệp- có các khu cụm công nghiệp, có sân bay, bến cảng, trường đại học cao đẳng, đài truyền hình và phát thanh riêng...”<sup>6</sup>. Do vậy, để khắc phục tình trạng manh mún và cát cứ trong đầu tư công, cần tùy theo quy mô và tầm quan trọng của dự án mà việc thẩm định và quyết định lựa chọn dự án đầu tư tại vùng Bắc Trung Bộ cần được thực hiện theo nguyên tắc tập trung hay phân quyền để đảm bảo tính thống nhất của chiến lược và quy hoạch tổng thể quốc gia và vùng, đảm bảo cân đối giữa nhu cầu đầu tư và nguồn lực hiện có; qua đó, nâng cao hiệu quả của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

*Thứ năm*, cần đẩy mạnh cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước. Các địa phương trong vùng cần đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp nhà nước mà lĩnh vực kinh doanh có thể do tư nhân thực hiện. Đồng thời, cắt giảm, tiến tới bãi bỏ việc thường xuyên cấp vốn bổ sung cho các doanh nghiệp nhà nước; buộc các doanh nghiệp hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính và từng bước xóa bỏ bao cấp đầu vào (đất, tài nguyên, tín dụng ưu đãi,...); qua đó, tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Điều này còn góp phần giảm bớt gánh nặng của các doanh nghiệp nhà nước đối với nền kinh tế.

## 5. Kết luận

Bắc Trung Bộ là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng đối với cả nước. Tuy nhiên, trên thực tế trong những năm qua, kinh tế vùng Bắc Trung Bộ phát triển còn thấp và thiếu bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của vùng. Kinh tế nhiều địa phương chủ yếu vẫn là nông nghiệp, lại thường xuyên bị thiên tai đe dọa; việc khắc phục khó khăn về thiên nhiên còn đòi hỏi đầu tư lớn; phát triển các khu công nghiệp cũng chưa thật sự hiệu quả. Thế mạnh về kinh tế biển, về tiềm năng du lịch chưa được khai thác tốt. Lợi thế cạnh tranh hàng hóa yếu; môi trường thu hút đầu tư còn kém hấp dẫn. Trình độ đào tạo nguồn nhân lực chưa đủ đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế, đặc biệt khu vực

công nghệ cao, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp, đời sống dân cư còn nhiều khó khăn. Chất lượng môi trường ngày càng suy giảm và nhiều nơi còn bị ô nhiễm nặng. Do vậy, vai trò của đầu tư, đặc biệt là đầu tư công, là hết sức quan trọng nhằm góp phần phát triển vùng Bắc Trung Bộ. Bài viết đã làm rõ khái niệm đầu tư công tại Việt Nam, đánh giá quy mô và hiệu quả đầu tư công tại vùng Bắc Trung Bộ, và qua

đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công tại vùng. Tuy nhiên, việc đánh giá hiệu quả đầu tư công dựa trên chỉ số ICOR vẫn còn đang tranh cãi; do vậy, những nghiên cứu trong tương lai nên đề xuất những phương pháp đánh giá thích hợp hơn đồng thời cần có những giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công cụ thể đối với từng địa phương trong vùng. □

#### Chú thích:

1. Khái niệm này cũng được sử dụng trong các công trình nước ngoài của Mankiw, N Gregory & Romer, David & Weil, David N (1992); Khan, M. S. và Kumar, M. S. (1997); Ronald Moomaw & J. Mullen & Martin Williams (2002).

2. Đối với thang đo tỷ lệ Logarit, trên đồ thị khoảng cách của một biến năm này so với năm khác chính bằng tỷ lệ tăng trưởng của biến đó. Trong khi đó, đối với thang đo thông thường (đường thẳng), khoảng cách của một biến năm này so với năm khác chính bằng giá trị thực tế của biến đó. Do vậy, để đánh giá tình hình tăng trưởng, các nhà kinh tế khuyến cáo nên sử dụng thang đo tỷ lệ Logarit. (xem thêm David N. Weil, 2005).

3. Xem Swaleheen, Mushfiq us (2007); Bùi Trinh (2009); Lê Đăng Doanh (2010),

4. Vũ Tuấn Anh (2010), Nguyễn Đình Cung (2010), Nguyễn Quang Thái (2010), Florio, M. và Myles, G. (2011)

5. Xem Florio, M. and Myles, G. (2011) Quinet, E. (2011).

6. Đổi mới phân cấp quản lý đầu tư công trong lộ trình tái cơ cấu đầu tư. <http://tamnhin.net/Diendan/21305/Doi-moi-phan-cap-quan-ly-dau-tu-cong-trong-lo-trinh-tai-co-cau-dau-tu.html> [cập nhật: 06/6/2012].

#### Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Trinh (2009), *Đánh giá hiệu quả đầu tư của các khu vực kinh tế thông qua hệ số ICOR*, Báo cáo chuyên đề cho Viện Kinh tế Việt Nam;

2. Dự thảo luật đầu tư công (2010), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, <http://www.mpi.gov.vn/portal/page/portal/bkhd/968926#1,2223> [cập nhật ngày 10/3/2012];

3. Dương Thị Bình Minh (2005), *Tài chính công*, Nhà xuất bản Tài chính;

4. Đề án *Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2020*, Năm 2006.

5. Lê Đăng Doanh (2010) *Đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước*, Hội thảo Tái cơ cấu đầu tư công trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế ở Việt Nam, Huế;

6. Vũ Tuấn Anh và Nguyễn Quang Thái (2011) *Đầu tư công – Thực trạng và tái cơ cấu*, NXB. Từ điển Bách khoa, Hà Nội;

7. Coutinho Rui and Gallo, G, (1991) *Do Public and Private Investment Stand in Each Other's Way*, 1991 WDR Background Paper, World Bank, October,

8. David N, Weil (2005) *Economic growth*, Second Edition, Pearson Education

9. Khan, M, S, and Kumar, M, S, (1997) *Public and Private Investment and The Growth Process in Developing Countries*, Oxford Bulletin of Economics and Statistics, 59: 69–88, doi: 10.1111/1468-0084,00050

10. Khan, M, S, and Reinhart, C, M, (1990) *Private Investment and Economic Growth in Developing Countries*, World Development, January,

11. Mankiw, N, A., Romer, D, and Weil, D, N, (1992) *A Contribution to the Empirics of Economic Growth*, Quarterly Journal of Economics, Vol, 107, pp, 407–37,

12. Mushfiq us Swaleheen (2007) *Corruption and Investment Choices: A Panel Data Study*, doi: 10.1111/j.1467-6435.2007.00387.x

13. Florio, M. and Myles, G. (2011) *Public Investment and Cost-Benefit Analysis in the European Union*, Fiscal Studies, 32: 3–9. doi: 10.1111/j.1475-5890.2011.00125.